

Match the word with it's meaning

1. active

2. Careful

3. Picnic

4. Confident

5. Creative

6. Shy

7. Clever

8. funny

9. Caring

10. hard-working

a. Cẩn thận

b. Tự tin

c. năng động

d. Chuyển dã ngoại

e. Nhút nhát

f. Thông minh

g. Sáng tạo

h. Vui nhộn

i. Làm việc chăm chỉ

j. Quan tâm